

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
CỤC THÚ Y**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 847 /TY-DT
V/v: Ứng vắc xin Chương trình quốc
gia KC và TT bệnh LMLM đợt I/2008

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2008

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh:
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh:

Thực hiện Quyết định số: 3660/QĐ/BNN-TY ngày 27/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Chương trình quốc gia khống chế và thanh toán bệnh lở mồm long móng (LMLM) giai đoạn 2006 – 2010.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 180/QĐ-BNN-TY ngày 21/01/2008 về việc phê duyệt kế hoạch tiêm vắc xin LMLM trong Chương trình quốc gia khống chế và thanh toán bệnh LMLM năm 2008.

Trong khi chờ đợi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt kết quả đấu thầu mua vắc xin thực hiện Chương trình quốc gia khống chế và thanh toán bệnh LMLM năm 2008, Cục Thú y tạm thời phân bổ vắc xin LMLM đợt I/2008 và giao các Công ty cung ứng theo các nội dung như sau:

1. Công ty TNHH một thành viên thuốc thú y trung ương (NAVETCO) cung ứng loại vắc xin LMLM nhị giá type O + A và vắc xin LMLM đơn giá type O (Aftopor đơn giá của hãng Merial)

2. Xí nghiệp thuốc thú y Trung ương cung ứng:

- Vắc xin LMLM tam giá type O, A, Asia 1 (AFTOVAX tam giá của hãng Merial).

Căn cứ vào số lượng vắc xin thuộc vùng khống chế và vùng đệm đã được phê duyệt trong Chương trình quốc gia khống chế bệnh LMLM năm 2008, Cục Thú y phân bổ vắc xin LMLM lần 1/2008 của các tỉnh, thành (theo danh sách đính kèm).

Để công tác tiêm phòng bệnh LMLM có hiệu quả, Cục Thú y đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo việc thực hiện Chương trình và kế hoạch phòng chống dịch của địa phương:

1. Bố trí kinh phí cho công tác phòng chống dịch bao gồm: kinh phí tổ chức tiêm phòng, chi phí tập huấn, tuyên truyền, trả công tiêm phòng, bảo hộ lao động, hoá chất tiêu độc khử trùng theo nội dung chương trình đã được phê duyệt tại Quyết định số: 3660/QĐ/BNN-TY ngày 27/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp, các ngành liên quan và Chi cục Thú y tổ chức thực hiện công tác tiêm phòng vắc xin theo mục tiêu, nội dung của Chương trình quốc gia khống chế và thanh toán bệnh lở mồm long móng (LMLM) giai đoạn 2006 - 2010 và quy định, hướng dẫn Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thú y cụ thể như sau:

- Tiếp nhận số lượng vắc xin đã được Cục Thú y phân phối từ các Công ty cung ứng theo đúng chủng loại, quản lý, bảo quản và sử dụng vắc xin theo đúng quy định số 51/2006/QĐ-BNN ngày 16/6/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về điều kiện nhập khẩu, kinh doanh, phân phối. Cung ứng vắc xin LMLM và thực hiện đầy đủ các thủ tục, chứng từ để thanh quyết toán theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính.

- Tổ chức việc tiêm phòng vắc xin theo Quyết định 38/2006/QĐ-BNN ngày 16/5/2006 về việc ban hành quy định phòng chống bệnh LMLM gia súc và theo hướng dẫn 752/TY-DT ngày 16/6/2006 về việc thực hiện Quy định phòng chống bệnh LMLM gia súc của Cục Thú y. Sử dụng vắc xin theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Đối với gia súc tiêm phòng lần đầu bắt buộc phải tiêm nhắc lại lần 2 sau 28 ngày, vắc xin tiêm nhắc lại lần 2 cùng loại với vắc xin lần thứ nhất, sau đó cứ 6 tháng tiêm nhắc lại để tạo miễn dịch khép kín. Kết quả tiêm phòng phải đạt tỷ lệ trên 80% so với tổng đàn.

- Việc tiêm phòng phải đúng kế hoạch, chiến lược phòng chống dịch của địa phương và tiến hành theo dõi, giám sát sau tiêm phòng, sơ tổng kết, báo cáo kết quả.

- Tổ chức các hội nghị triển khai công tác tiêm phòng để cá nhân đơn vị thấy rõ sự quan tâm của Chính phủ, trách nhiệm trong việc tham gia công tác tiêm phòng vắc xin, đồng thời tổ chức tập huấn cho thú y viên, nhân viên thú y về bảo quản vắc xin, kỹ thuật tiêm phòng và ghi chép sổ gia súc tiêm phòng theo hướng dẫn năm 2006, để làm hồ sơ quyết toán với Bộ Nông nghiệp và PTNT về kinh phí tiêm phòng vắc xin LMLM do Chính phủ hỗ trợ trong chương trình quốc gia.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Các Cơ quan Thú y vùng;
- Chi cục Thú y tỉnh;
- Công ty Navetco, Xí nghiệp thuốc TYTW;
- Lưu: VT, DT.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Hoàng Văn Năm

**Phân bổ vắc xin thuộc Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh LMLM
Đợt 1 năm 2008**

Đơn vị cung ứng: Công ty TNHH một thành viên Thuốc thú y TW

(Kèm theo Công văn số: 847 /TY-DT ngày 02/6/2008 của Cục Thú y)

I. Vùng không chế

TT	Tỉnh	Vắc xin LMLM Type O+A		
		Trâu, bò (liều)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Bình Phước	26,000	11,000	286,000,000
2	Tây Ninh	62,681	11,000	689,491,000
3	Long An	15,971	11,000	175,681,000
4	Đồng Tháp	8,868	11,000	97,548,000
5	An Giang	47,356	11,000	520,916,000
6	Kiên Giang	8,270	11,000	90,970,000
	Tổng cộng	169,146	11,000	1,860,606,000

TT	Tỉnh	Vắc xin LMLM Type O		
		Trâu, bò (liều)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Sơn La	120,677	5,710	689,065,670
2	Ninh Bình	26,729	5,710	152,622,590
3	Thanh Hoá	73,448	5,710	419,388,080
4	Nghệ An	185,404	5,710	1,058,656,840
5	Hà Tĩnh	87,868	5,710	501,726,280
	Tổng cộng	494,126	5,710	2,821,459,460

TT	Tỉnh	Vắc xin LMLM Type O		
		Lợn (liều)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Quảng Ninh	9,368	5,710	53,491,280
2	Lạng Sơn	13,535	5,710	77,284,850
3	Cao Bằng	14,601	5,710	83,371,710
4	Hà Giang	18,872	5,710	107,759,120
5	Lào Cai	15,986	5,710	91,280,060
6	Lai Châu	7,496	5,710	42,802,160
7	Điện Biên	12,610	5,710	72,003,100
8	Sơn La	17,689	5,710	101,004,190
9	Ninh Bình	5,632	5,710	32,158,720
10	Thanh Hoá	8,764	5,710	50,042,440
11	Nghệ An	18,904	5,710	107,941,840
12	Hà Tĩnh	6,799	5,710	38,822,290
13	Quảng Bình	8,300	5,710	47,393,000
14	Quảng Trị	2,071	5,710	11,822,555
15	Thừa Thiên Huế	1,404	5,710	8,016,840
16	Quảng Nam	5,873	5,710	33,534,830

17	Kon Tum	12,095	5,710	69,062,450
18	Gia Lai	35,202	5,710	201,003,420
19	Đắk Lắk	58,990	5,710	336,832,900
20	Đắk Nông	15,032	5,710	85,832,720
21	Lâm đồng	31,248	5,710	178,426,080
22	Bình Phước	6,300	5,710	35,973,000
23	Tây Ninh	8,652	5,710	49,402,920
24	Long An	4,623	5,710	26,397,330
25	Đồng Tháp	5,113	5,710	29,195,230
26	An Giang	5,478	5,710	31,279,380
27	Kiên Giang	2,851	5,710	16,279,210
	Tổng cộng	353,488	5,710	2,018,413,625

II. Vùng đệm

TT	Tỉnh	Vắc xin LMLM Type O		
		Trâu, bò (liều)	Đơn giá đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Bắc Cạn	58,810	5,710	335,805,100
2	Bắc Giang	100,857	5,710	575,893,470
3	Thái Nguyên	51,162	5,710	292,135,020
4	Hoà Bình	110,600	5,710	631,526,000
5	Hà Tĩnh	203,708	5,710	1,163,172,680
	Tổng cộng	525,137	5,710	2,998,532,270
TT	Tỉnh	Vắc xin LMLM Tuye O		
		Lợn (liều)	Đơn giá đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Tuyên Quang	10,247	5,710	58,510,370
2	Yên Bái	15,966	5,710	91,165,860
3	Bắc Cạn	4,740	5,710	27,065,400
4	Bắc Giang	46,413	5,710	265,018,230
5	Thái Nguyên	6,504	5,710	37,137,840
6	Hoà Bình	18,540	5,710	105,863,400
7	Hà Tĩnh	32,965	5,710	188,230,150
8	Quảng Bình	24,960	5,710	142,521,600
9	Quảng Trị	5,420	5,710	30,948,200
10	Thừa Thiên Huế	24,553	5,710	140,197,630
11	Đà Nẵng	5,927	5,710	33,843,170
12	Quảng Nam	30,843	5,710	176,113,530
13	Quảng Ngãi	44,977	5,710	256,818,670
14	Bình Định	52,116	5,710	297,582,360
15	Phú Yên	19,368	5,710	110,591,280
16	Khánh Hoà	10,241	5,710	58,476,110
17	Ninh Thuận	8,047	5,710	45,948,370
18	Bình Thuận	24,072	5,710	137,451,120
	Tổng cộng	385,899	5,710	2,203,483,290

Ghi chú: - Vắc xin tiêm phòng vùng khống chế phân bổ đợt 1 bằng 50%
 - Vắc xin tiêm phòng vùng đệm (50% NSTW đảm bảo) phân bổ hết trong đợt 1

**Phân bổ vắc xin thuộc Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh LMLM
Đợt 1 năm 2008**

Đơn vị cung ứng: Xí nghiệp Thuốc thú y Trung ương
 (Kèm theo Công văn số: 847 /TY-DT ngày 02/6/2008 của Cục Thú y)

I. Vùng khống chế

TT	Tỉnh	Vắc xin LMLM Type O+A+Asia1		
		Trâu, bò (liều)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Quảng Bình	70,823	12,850	910,075,550
2	Quảng Trị	33,500	12,850	430,475,000
3	Thừa Thiên Huế	11,441	12,850	147,016,850
4	Quảng Nam	28,042	12,850	360,339,700
5	Kon Tum	81,956	12,850	1,053,134,600
6	Gia Lai	283,869	12,850	3,647,716,650
7	Đắk Lắk	160,755	12,850	2,065,701,750
8	Đắk Nông	20,684	12,850	265,789,400
9	Lâm Đồng	97,397	12,850	1,251,551,450
	Tổng cộng	788,467	12,850	10,131,800,950

II. Vùng đệm

TT	Tỉnh	Vắc xin LMLM Type O+A+Asia1		
		Trâu, bò (liều)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Quảng Bình	97,618	12,850	1,254,391,300
2	Quảng Trị	49,800	12,850	639,930,000
3	Thừa Thiên Huế	40,391	12,850	519,024,350
4	Quảng Nam	107,418	12,850	1,380,321,300
5	Đà Nẵng	13,493	12,850	173,385,050
6	Quảng Ngãi	210,675	12,850	2,707,173,750
7	Bình Định	222,956	12,850	2,864,984,600
8	Phú Yên	208,460	12,850	2,678,711,000
9	Khánh Hòa	74,201	12,850	953,482,850
10	Ninh Thuận	95,260	12,850	1,224,091,000
11	Bình Thuận	163,327	12,850	2,098,751,950
	Tổng cộng	1,283,599	12,850	16,494,247,150

Ghi chú: - Vắc xin tiêm phòng vùng khống chế phân bổ đợt 1 bằng 50%
 - Vắc xin tiêm phòng vùng đệm (50% NSTW đảm bảo) phân bổ hết trong đợt 1